

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 08 - 12 - 2021

*V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Giang;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Thành

2. Bà Vũ Thị Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Mạc Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh tham gia phiên tòa:
Bà Đỗ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 222/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2021 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/11/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Xóm 2, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Mạnh C, sinh năm 1960;

Địa chỉ: Số 1A, đường B, khu dân cư N, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

(Văn bản ủy quyền ngày 09/10/2021)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Khu dân cư G, phường T, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

- Người làm chứng: Bà Vũ Thị Xuyên, sinh năm 1958;

Địa chỉ: Khu dân cư G, phường T, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Chị H, anh L, ông C, bà X đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/12/2020 và các văn bản gửi đến Tòa án, Nguyên đơn - chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn L đăng ký kết hôn ngày 22/11/2003 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau ngày cưới, vợ chồng về chung sống tại thôn G (nay là khu dân cư G, phường T, thành phố C, tỉnh Hải Dương). Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận. Đến năm 2007, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do kinh tế khó khăn, vợ chồng bất đồng quan điểm, dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát. Gia đình đã khuyên bảo, hòa giải nhưng không được. Cuối năm 2007, vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, sau đó, chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xóm 2, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An ở. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay và không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và không thể về đoàn tụ được. Do vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Khánh L, sinh ngày 04/8/2004. Con chung do anh L trực tiếp nuôi dưỡng từ năm 2007 đến nay. Nếu ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao con cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng. Chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với anh L mỗi tháng là 2.000.000đ, kể từ khi ly hôn đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về quan hệ tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 02/11/2021 và ý kiến tại các buổi làm việc, bị đơn - anh Nguyễn Văn L trình bày thống nhất nội dung về thời gian, điều kiện kết hôn như lời khai của chị H. Anh thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn từ năm 2007. Nguyên nhân là do kinh tế khó khăn, vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi nhau, xô xát và có lời lẽ xúc phạm đến nhau. Giữa năm 2007, vợ chồng sống ly thân. Gia đình đã khuyên bảo, hòa giải nhưng không được. Đến cuối năm 2007, chị H tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xóm 2, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An và cắt đứt liên lạc với anh. Anh đã gọi điện khuyên chị H về đoàn tụ nhưng chị H không đồng ý quay về. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay và không quan tâm đến nhau. Nay chị H xin ly hôn, anh xác định vợ chồng không thể đoàn tụ được. Do vậy, anh cũng nhất trí ly hôn chị H. Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 01 con chung như chị H trình bày. Năm 2007, sau khi chị H bỏ về Nghệ An, con chung Nguyễn Thị Khánh L do anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Cháu vẫn khỏe mạnh và phát triển tốt. Nếu ly hôn, anh đề nghị tòa án giao con cho anh được tiếp tục nuôi dưỡng và nhất trí mức cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ/tháng mà chị H đưa ra. Hiện tại, anh làm thợ xây, thu nhập ổn định, bình quân khoảng 9.000.000đ/tháng; anh cũng có nhà riêng nên hoàn toàn có đủ khả năng để chăm sóc tốt cho con. Về quan hệ tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 04/11/2021, cháu Nguyễn Thị Khánh L trình bày có nguyện vọng xin được ở với bố.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/11/2021, bà Vũ Thị X - mẹ đẻ của anh L xác định: Sau khi chị H và anh L về chung sống thì kinh tế khó khăn, vợ chồng bất đồng quan điểm, không hòa hợp nên thường xảy ra cãi nhau. Bà đã khuyên bảo, hòa giải

nhưng không có kết quả. Năm 2007, vợ chồng sống ly thân, sau đó chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở Nghệ An ở. Anh L nhiều lần liên lạc, mong vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị H không đồng ý quay về. Nay chị H xin ly hôn anh L, quan điểm của bà là đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn. Về con chung: Bà xác định con chung Nguyễn Thị Khánh L do anh L nuôi dưỡng từ nhỏ đến nay. Anh L hiện tại đang làm thợ xây và có thu nhập ổn định, có nhà riêng và vẫn chăm sóc tốt cho cháu L. Bà đề nghị Tòa án giao cháu L cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng.

- Tại các biên bản xác minh với khu dân cư G xác định: Chị H, anh L hơn 10 năm nay không chung sống cùng nhau. Nay chị H xin ly hôn anh L, quan điểm của địa phương là đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Khánh L, sinh ngày 04/8/2004. Cháu L do anh L trực tiếp nuôi dưỡng từ nhỏ đến nay. Anh L làm thợ xây, có thu nhập ổn định, có nhà ở rộng rãi. Nếu tòa án giải quyết việc ly hôn quan điểm của khu dân cư là đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng của các bên khi giao con.

Tại phiên tòa:

Chị H, anh L, ông C vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ thời điểm thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Về đường lối giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, khoản 1 Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn L. Về con chung: Xử giao con chung Nguyễn Thị Khánh L, sinh ngày 04/8/2004 cho anh Nguyễn Văn L tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị Nguyễn Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với anh Nguyễn Văn L 2.000.000đ/tháng, kể từ tháng 11/2021 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập đến tham gia tố tụng tại phiên tòa. Chị H, anh L và ông C đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử

vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Văn L cư trú tại: Khu dân cư G, phường T, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Chị Nguyễn Thị H khởi kiện xin ly hôn anh L và đề nghị giải quyết về việc nuôi con chung, do vậy, đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh thụ lý giải quyết vụ án là đúng với thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn L kết hôn với nhau ngày 22/11/2003 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An. Do vậy, hôn nhân của chị H, anh L là hợp pháp. Sau khi kết hôn một thời gian, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, đặc biệt trong vấn đề kinh tế nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát. Cuối năm 2007, chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xóm 2, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An. Vợ chồng sống ly thân và không quan tâm đến nhau. Hội đồng xét xử thấy rằng việc chị H, anh L từ năm 2007 đến nay không sống chung, yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Bản thân chị H, anh L cũng xác định không thể đoàn tụ, chung sống cùng nhau. Do vậy, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu của chị H xin ly hôn với anh L.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Khánh L, sinh ngày 04/8/2004. Con chung do anh L trực tiếp nuôi dưỡng từ năm 2007 đến nay. Anh L hiện tại đang làm thợ xây, có thu nhập ổn định, có nhà riêng và vẫn chăm sóc tốt cho cháu L. Cả chị H và anh L đều có quan điểm để anh L tiếp tục nuôi dưỡng con chung và chị H cấp dưỡng nuôi con chung với anh L mỗi tháng là 2.000.000đ, kể từ khi ly hôn đến khi con chung đủ 18 tuổi. Quan điểm của chị H, anh L là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của cháu L và phù hợp với điều kiện hoàn cảnh hiện tại của hai bên. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung, cần căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, khoản 1 Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận theo yêu cầu của chị H, anh L về việc giao cháu Nguyễn Thị Khánh L cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng và buộc chị H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với anh L mỗi tháng là 2.000.000đ, kể từ tháng 11/2021 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[5] Chị H không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[6] Về quan hệ tài sản: Chị H, anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra việc xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Chị H là nguyên đơn và có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và án phí dân sự cấp dưỡng theo quy định tại khoản

4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, khoản 1 Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

2. Về con chung: Xử giao con chung Nguyễn Thị Khánh L, sinh ngày 04/8/2004 cho anh Nguyễn Văn L tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị Nguyễn Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với anh Nguyễn Văn L 2.000.000đ/tháng, kể từ tháng 11/2021 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Chị Nguyễn Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở chị H thực hiện quyền này.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm cấp dưỡng nuôi con, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà chị H đã nộp theo biên lai thu số: AA/2020/0002781 ngày 25/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Chị H còn phải nộp 300.000đ.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Chí Linh;
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- UBND xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An (Đăng ký sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Kim Giang

